

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày: 15-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Minh Luân;
2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H1 (K) - Sinh năm 1983, tại H, Long An; Nơi cư trú: Ấp 3, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C (chết) và bà Lê Thị CH; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Năm 2016, bị xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 31-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện H, đã chấp hành án xong; Năm 2017, bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 25-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện H, đã chấp hành án xong, chưa xóa án tích. Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-05-2019 đến nay. (Có mặt).

2. Lê Văn T - Sinh năm 1983, tại H, Long An; Nơi cư trú: Ấp 3, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê

Văn D và bà Trần Thị H2; Vợ: Ngô Thị Bích P, có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14-11-2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 6 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08-07-2019 cho đến nay. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:* Ông Nguyễn Năm T1, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Bà Đỗ Thị L - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

2. Công an xã MTB - Địa chỉ: ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu P1 - Chức vụ: Phó Trưởng công an xã MTB (Văn bản ủy quyền ngày 15-10-2019). (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Công T2 - Sinh năm 1979; (Có mặt).

2. Ông Lê Văn P2 - Sinh năm 1968; (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị BH - Sinh năm 1961. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T thường xuyên say rượu vào ngủ ở trụ cờ trụ sở Ủy ban nhân dân xã MTB, phát hiện bên hông nhà làm việc của Ủy ban nhân dân xã có kho chứa nhiều xe vi phạm, không có người trông coi, dễ đột nhập lấy tài sản. Khoảng 22 giờ, ngày 26-5-2019, T hẹn gặp Trần Văn H1 trước cổng Ủy ban nhân dân xã; T nói với H1 kế hoạch trên, H1 đồng ý và cùng nhau đi vào kho. Đến nơi, T dùng chìa khóa để mở khóa nhưng không được; T dùng tay đẩy, chốt cửa trượt vào phía trong. T vào kho đẩy ra 01 chiếc mô tô hiệu Future Neo giao cho H1; T tiếp tục vào kho đẩy ra 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RS. T lấy xe Wave RS làm phương tiện đi lại, H1 đẩy xe Future Neo đem cất giấu tại đám tràm thuộc ấp 5, xã MTB, đến ngày 27-5-2019 xe trên bị Võ Công T2 mang về nhà cất giấu.

Tối ngày 27-5-2019, T tiếp tục vào kho lấy 01 chiếc xe loại Damsan đem bán cho vợ phế liệu của bà Nguyễn Thị BH được 400.000 đồng. Sau đó, tiếp tục vào kho lấy thêm 01 chiếc mô tô loại Peroli mang ra ngoài cất giấu và điện thoại kêu H1 đến cùng đẩy xe đến vợ phế liệu của ông Lê Văn P2 bán được 500.000 đồng, T chia cho H1 200.000 đồng, T giữ lại 300.000 đồng.

Đêm 08-7-2019, T đột nhập vào nhà của bà Đỗ Thị L tại ấp ML, xã MTT lấy 01 xe mô tô loại Wave thì bị bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn T và Trần Văn H1 thừa nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội như trên.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô loại Future Neo số máy: JC45E-0075446, số khung: không; 01 xe mô tô loại Damsan số máy: Không, số khung: DXC646931; 01 xe mô tô loại Peroli số máy: FMB032447, số khung: XB32447; 01 xe mô tô loại Wave RS số máy: không, số khung: không; 01 xe mô tô loại Wave số máy: C12E-376979, số khung: Y-176100.

Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-TCKH ngày 29-5-2019 xác định xe mô tô loại Future Neo và 01 xe mô tô loại Wave RS có giá trị 3.000.000 đồng; Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL-TCKH ngày 23-7-2019 01 xác định xe mô tô loại Peroli có giá trị là 1.500.000 đồng; Bản kết luận định giá tài sản số 86/KL-TCKH ngày 23-7-2019 xác định xe mô tô loại Damsan có giá trị là 1.500.000 đồng; Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL-TCKH ngày 10-7-2019 xác định xe mô tô loại Wave có giá trị 4.000.000 đồng.

Xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 04 xe mô tô cho Công an xã MTB theo Quyết định xử lý vật chứng số 46 ngày 01-8-2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 54M4-0156, số khung Y-176100, số máy C12E-1376979 cho chủ sở hữu là chị Đỗ Thị L theo Quyết định xử lý vật chứng số 45 ngày 10-7-2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H.

Ông Lê Văn P2 và bà Nguyễn Thị BH thu mua xe ve chai, không biết rõ xe do trộm cắp mà có, đã giao lại tang vật vụ án, nên không truy cứu đối với ông P2 bà Hai. Đối với Võ Công T2, có hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô loại Future Neo (xe do H1 mang giấu), giá trị xe là 1.500.000 đồng, hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Võ Công T2 1.500.000 đồng theo điểm a, khoản 01 điều 15 Nghị định 167/2013-NĐ-CP.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-ĐH ngày 09-9-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử:
- + Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H1 từ 15 đến 18 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù.

+ Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý xong.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T nộp 300.000 đồng và bị cáo H1 nộp 200.000 đồng tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước; Buộc bị cáo T bồi thường cho bà Nguyễn Thị BH 400.000 đồng tiền thiệt hại do mua xe.

- Các bị cáo H1 và T: Khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo không bàn bạc phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng người, nhưng cùng thống nhất lấy trộm xe phục vụ nhu cầu cá nhân. Hai bị cáo ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đồng ý nộp lại tiền thu lợi bất chính. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bà hai 400.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T: Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị cho bị cáo T hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

- Người bị hại: Công an xã MTB và bà Đỗ Thị L đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Công T2 thừa nhận thấy xe Future Neo bỏ trong đám trảm nhiều ngày, nên đã đem về định bán ve chai, sau khi bị phát hiện đã giao nộp xe; Ông đã bị phạt hành chính 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong.

+ Ông Lê Văn P2 thu mua xe ve chai, không biết rõ xe do trộm cắp mà có, đã giao lại tang vật vụ án, không yêu cầu bồi thường.

+ Bà Nguyễn Thị BH thu mua xe ve chai, không biết rõ xe do trộm cắp mà có, đã giao lại tang vật vụ án, yêu cầu bồi thường 400.000 đồng tiền thiệt hại do mua xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 22 giờ ngày 26-5-2019, Lê Văn T cùng Trần Văn H1 vào kho chứa xe vi phạm của công an xã MTB, lấy đi trót lọt 01 xe mô tô loại FutureNeo và 01 xe mô tô loại Wave RS, tổng giá trị của 02 xe là 3.000.000 đồng.

Tối ngày 27-5-2019 T tiếp tục vào kho lấy 01 chiếc xe nhãn hiệu Damsan đem bán cho vợ phước liệu của bà Nguyễn Thị BH được 400.000 đồng. Sau đó, tiếp tục đi vào kho lấy thêm 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Peroli mang ra ngoài cất giấu và điện thoại kêu H1 đến cùng đẩy xe đến vợ phước liệu của ông Lê Văn P2 bán được 500.000 đồng, T chia cho H1 200.000 đồng, T giữ lại 300.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Giá trị của mỗi xe mô tô trên là 1.500.000 đồng.

Đêm 08-7-2019, T đột nhập vào nhà của bà Đỗ Thị L tại ấp ML, xã MTT lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave thì bị bắt quả tang, giá trị của xe mô tô trên là 4.000.000 đồng.

[2] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo H1 và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp khách quan với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo H1 và T đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc cách thức cũng như không phân công cụ thể vai trò, nhiệm vụ cho từng bị cáo, hành vi của các bị cáo thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Cáo trạng số 57/CT-VKS-ĐH ngày 09-9-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo H1 và T với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của các bị cáo H1 và T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây nghi ngờ và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo có tính bộc phát, tức thời, thực hiện tội phạm đến cùng, mục đích giản đơn để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của bản thân. Hành vi của các bị cáo cần

được xử lý nghiêm, các bị cáo có nhân thân xấu, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Trong vụ án, bị cáo T thực hiện hành vi với vai trò là người khởi xướng, và thực hành một cách tích cực; Bị cáo H1 là người thực hành tích cực.

[9] Xét bị cáo H1 có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, hành vi của bị cáo H1 thuộc trường hợp tái phạm - là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[10] Xét bị cáo T thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, có ít nhất 2 lần đủ yếu tố cấu thành về tội trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo T thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên - là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[11] Xét trong quá điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo H1 và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ pháp luật.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo H1 và T là có căn cứ pháp luật.

[14] Về vật chứng, căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 04 xe mô tô cho Công an xã MTB theo quyết định xử lý vật chứng số 46 ngày 01-8-2019 và trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 54M4-0156, số khung Y-176100, số máy C12E-1376979 cho chủ sở hữu là bà Đỗ Thị L theo quyết định xử lý vật chứng số 45 ngày 10-7-2019. Việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là phù hợp, nên không tiếp tục đề cập.

[15] Về trách nhiệm dân sự:

- Công an xã MTB, bà Đỗ Thị L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và ông Lê Văn P2 không yêu cầu bồi thường là tự nguyện nên ghi nhận và không tiếp tục đề cập;

- Bị cáo T và H1 bán xe cho ông P2 được 500.000 đồng, ông P2 đã giao nộp xe nhưng không yêu cầu các bị cáo bồi thường; Số tiền bán xe là tiền thu lợi bất chính; Bị cáo T giữ 300.000 đồng và chia cho bị cáo H1 200.000 đồng, cần buộc hai bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Bà Nguyễn Thị BH yêu cầu bị cáo T bồi thường 400.000 đồng tiền thiệt hại do mua xe; Bị cáo T đồng ý bồi thường; Việc yêu cầu và chấp nhận trên là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Ông Lê Văn P2 và bà Nguyễn Thị BH thu mua xe ve chai, không biết rõ xe do trộm cắp mà có, đã giao lại tang vật vụ án, nên không truy cứu đối với hành vi của ông P2 bà Hai là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với ông Võ Công T2, có hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô loại Future Neo (xe do H1 mang giấu), giá trị xe là 1.500.000 đồng, hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Võ Công T2 1.500.000 đồng theo điểm a, khoản 01 điều 15 Nghị định 167/2013-NĐ-CP là phù hợp quy định pháp luật nên không tiếp tục đề cập.

- Đối với Ủy ban nhân dân xã và Công an xã MTB đã lơ lửng trong công tác quản lý, bảo vệ cơ quan, tạo cơ hội cho bị cáo T thường xuyên vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã ngủ và có điều kiện lợi dụng sự sơ hở trộm cắp tài sản; Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã MTB và Công an xã MTB cần có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, phân công trực bảo vệ trụ sở cơ quan chặt chẽ, tránh lơ lửng, sơ hở, tạo điều kiện cho các đối tượng ngoài xã hội lợi dụng để nắm thông tin, trộm cắp tài sản hoặc thực hiện việc khác gây mất an ninh, trật tự và an toàn cơ quan.

[16] Về án phí: Các bị cáo H1 và T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a, khoản 1, Điều 173, điểm h, g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Các Điều 106, 135, 136, 326 và 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 29-05-2019).

4. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 08-07-2019).

5. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T mỗi bị cáo 45 ngày sau khi tuyên án, để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

6. Về trách nhiệm dân sự:

6.1. Buộc bị cáo Lê Văn T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và bị cáo Trần Văn H1 nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), tiền thu lợi bất chính, sung vào công quỹ Nhà nước.

6.2. Buộc bị cáo Lê văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị BH 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền thiệt hại về tài sản. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (Phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn H1 và Lê Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (Ngày 15-10-2019). Người bị hại vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo; Bị hại; Liên quan;
- UBND xã MTB;
- Hồ sơ THA.HS (06);
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương